TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2026/ST–HNGĐ
Ngày 11 tháng 02 năm 2026
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng.
Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hào và bà Nguyễn Thị Hoa.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 11/02/2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 194/2025/TLST–HNGĐ ngày 23/12/2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"." theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2026/QĐXXST–HNGĐ ngày 08/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2026 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị T** – Sinh ngày: 23/9/1991
Số CCCD: 040191011946
Trú tại: Thôn T 9, xã V, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

* *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Phong T** – Sinh ngày: 22/9/1992
Số CCCD: 040092040732
Trú tại: Thôn T 9, xã V, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

* *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Anh V – Sinh năm: 1982 (Anh trai anh T) - Trú tại: Thôn Hùng T, xã V, tỉnh Nghệ An — Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt, tuy nhiên tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Phong T kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An (nay là xã V, tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới

mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay. Nay tình cảm không còn nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh T có với nhau 01 con chung là Nguyễn Duy T, Sinh ngày 14/06/2015. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Phong T vắng mặt, tuy nhiên thông qua người làm chứng là anh Nguyễn Anh V, anh T có ý kiến như sau:

Anh Nguyễn Phong T và chị Nguyễn Thị T kết hôn ngày 01/12/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An (nay là xã V, tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Phong T về chung sống với nhau tại thôn T 9, xã V, tỉnh Nghệ An. cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nên từ năm 2017 chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Phong T đã sống ly thân với nhau. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau, chị Nguyễn Thị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì anh Nguyễn Phong T cũng đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung: Có 01 người con chung là Nguyễn Duy T, Sinh ngày 14/06/2015. Nay ly hôn anh T đồng ý để cho chị T nuôi con và anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay anh T đi làm ăn xa nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Tại phiên tòa, người làm chứng anh Nguyễn Anh V vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, anh Anh đã khai:

Anh là anh trai anh Nguyễn Phong T, chị Nguyễn Thị T là em dâu của anh. Anh Nguyễn Phong T và chị Nguyễn Thị T kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An (nay là xã V, tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn thì sinh được 01 con chung, sau đó có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và tính cách không hợp nhau. Nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Anh T đã nhận được các V bản tố tụng và tài liệu chứng cứ do Tòa án giao và có ý kiến là đồng ý ly hôn với chị T và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh T. Về con chung: Có 01 người con chung là Nguyễn Duy T, sinh ngày 14/06/2015. Nay ly hôn anh T đồng ý để con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho anh T. Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Nguyễn Duy T trình bày: Bố cháu là Nguyễn Phong T, mẹ cháu là Nguyễn Thị T. Nay bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ cháu là Nguyễn Thị T

- Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Nghệ An phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của

Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 và có đề nghị giải quyết vắng mặt. Nên Toà án xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Phong T; Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Duy T, sinh ngày 14/6/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Phong T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, T diện các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án "Ly hôn", bị đơn cư trú tại xã V, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Nghệ An thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đề nghị giải quyết vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Phong T kết hôn ngày 01/12/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An (nay là xã V, tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm nên đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay tình cảm không còn nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Phong T có ý kiến là đồng ý ly hôn với chị T và anh T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án có căn cứ để xét xử vụ án theo thủ tục chung do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững, cùng nhau chăm lo cuộc sống. Tuy nhiên, giữa chị T và anh T đã sống ly thân, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù

hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với ý kiến của anh T là chấp nhận yêu cầu ly hôn với chị T.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Phong T có với nhau 01 con chung là Nguyễn Duy T, sinh ngày 14/06/2015. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi con, anh T cũng đồng ý để chị T nuôi con. Vì vậy, cần giao con Nguyễn Duy T cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với ý kiến của các đương sự và nguyện vọng của con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Phong T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1, 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Phong T.

**** Về nuôi con chung:*** Giao con Nguyễn Duy T, Sinh ngày 14/06/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng T.

**** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:*** Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Phong T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp theo biên lai số 0003911 ngày 23/12/2025 tại phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Nghệ An).

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND Khu vực 9 – Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã V, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Lệ Hằng